

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2026/DS-ST**
Ngày 17 tháng 3 năm 2026
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Tý** và ông **Võ Thành Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân P;**

Địa chỉ trụ sở: Tỉnh lộ 943, Tổ B, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vương Bảo T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Cán bộ tín dụng; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2025) (có mặt).

Bị đơn:

- Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh ngày 23/3/1988 (vắng mặt);
Căn cước công dân số: 077088010281;

- Bà **Nguyễn Thị Kiều X**, sinh ngày 23/5/1992 (vắng mặt);
 Căn cước công dân số: 089192021149;
 Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T1 trình bày:**

Vào ngày 11/4/2024, vợ chồng ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị Kiều X ký kết hợp đồng tín dụng số: 40/24/DPT/HĐTD (loại cho vay ngắn hạn) với Q tín dụng nhân dân P để vay số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*); mục đích vay là trồng lúa; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay trong hạn 12%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ tín dụng nhân dân P, ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị Kiều X ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024. Tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 26, diện tích 360m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS01569 cấp ngày 06/01/2021 cho ông V, bà X và thửa đất số 447, tờ bản đồ số 26, diện tích 333,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH03185 chính lý cấp ngày 11/3/2022 cho ông V, bà X; tất cả các thửa đất trên cùng tọa lạc tại xã P (nay là xã P), tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V, bà X **trả** cho Q tín dụng nhân dân Phú Hòa số tiền gốc 128.000.000 (*Một trăm hai mươi tám triệu*) đồng.

Tính đến ngày 17/3/2026, ông V, bà X còn nợ Q tín dụng nhân dân Phú H số tiền gốc là 372.000.000 (*Ba trăm bảy mươi hai triệu*) đồng, số tiền lãi trong hạn là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng, số tiền lãi quá hạn là 70.805.000 (*Bảy mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân P khởi kiện yêu cầu ông V, bà X liên đới trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/3/2026 tổng cộng là 502.805.000 (*Năm trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 18/3/2026 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024 để đảm bảo thi hành án.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X:**

Trong quá trình tố tụng ông V, bà X vắng mặt, Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đồng thời triệu tập ông V, bà X tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Quý tín dụng nhân dân P.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. **Nguyên đơn** thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông V, bà X liên đới trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/3/2026 tổng cộng là 502.805.000 (*Năm trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 18/3/2026 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024 để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị Kiều X là bị đơn của vụ án có địa chỉ thường trú tại ấp K, xã P (nay là xã P), tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị Kiều X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 40/24/DPT/HĐTD ngày 11/4/2024:

Vào ngày 11/4/2024, vợ chồng ông V, bà X đã ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân Phú Hòa hợp đồng tín dụng số 40/24/DPT/HĐTD để vay số tiền là 500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông V, bà X đã trả được số tiền gốc 128.000.000 đồng. Tính đến ngày 17/3/2026, ông V, bà X còn nợ Q tín dụng nhân dân Phú Hòa tổng số tiền 502.805.000 đồng. Trong đó; số tiền vay gốc là 372.000.000 đồng, lãi trong hạn là 60.000.000 đồng và lãi quá hạn là 70.805.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024; bản sao hợp đồng tín dụng số 40/24DPT/HĐTD ngày 11/4/2024 + phụ lục hợp đồng; bản sao giấy nhận nợ ngày 11/4/2024. Xét thấy, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 40/24/DPT/HĐTD ngày 11/4/2024 do ông V, bà X với người đại diện pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân P ký kết là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 về nội dung của hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng có giá trị và hợp pháp. Tuy nhiên, do phía ông V, bà X không thực hiện đúng các thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết nên Quỹ tín dụng nhân dân P khởi kiện yêu cầu ông V, bà X phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 18/3/2026 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024. Tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất thửa đất số 132 tờ bản đồ số 26, diện tích 360m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS01569 cấp ngày 06/01/2021 cho ông V, bà X và thửa đất số 447, tờ bản đồ số 26, diện tích 333,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH03185 chính lý cấp ngày 11/3/2022 cho ông V, bà X; tất cả các thửa đất

cùng tọa lạc tại xã P (nay là xã P), tỉnh An Giang. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024 được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh T2 (nay là Văn phòng Đ chi nhánh khu vực liên xã T) và được công chứng tại Văn phòng C cùng ngày nên đã đảm bảo về hình thức của hợp đồng theo quy định tại các Điều 317, 318, 321, 323 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp của Quỹ tín dụng nhân dân P là có cơ sở. Trường hợp ông V, bà X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Phú Hòa được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.3] Đối với ông V, bà X là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông bà, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí tố tụng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 119, 299, 317, 321, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm b khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân P.

Buộc ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Q tín dụng nhân dân Phú Hòa số tiền tính đến ngày 17/3/2026 là 502.805.000 (*Năm trăm lẻ hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 372.000.000 (*Ba trăm bảy mươi hai triệu*) đồng, lãi trong hạn là 60.000.000 (*Sáu mươi triệu*) đồng và lãi quá hạn là 70.805.000 (*Bảy mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/3/2026), ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 40/24/DPT/HĐTD ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 40/24DPT/HĐTC ngày 10/4/2024 ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân P với ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.112.200 (*Hai mươi bốn triệu một trăm mười hai nghìn hai trăm*) đồng.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Phú Hòa số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.034.420 (*Mười ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003333 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P chi phí tố tụng với số tiền là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân P1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc V, bà Nguyễn Thị Kiều X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bé Thi